

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình nghiên cứu cơ bản xuất sắc trong lĩnh vực
khoa học tự nhiên giai đoạn 2026-2035**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ, đặt hàng;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình nghiên cứu cơ bản xuất sắc trong lĩnh vực khoa học tự nhiên giai đoạn 2026 - 2035 (tên tiếng Anh: Program for Excellence in Basic Research; tên viết tắt: PEBR) với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nghiên cứu cơ bản xuất sắc trong lĩnh vực khoa học tự nhiên là nền tảng tạo ra các đột phá về tri thức và công nghệ, góp phần hình thành năng lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn.

2. Chương trình PEBR được triển khai theo hướng đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm và chiều sâu; ưu tiên tài trợ nghiên cứu cơ bản gắn với các hướng phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược cụ thể; ưu tiên phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và các hướng nghiên cứu có tiềm năng tạo đột phá gắn với lợi thế phát triển của Việt Nam.

3. Chuyển từ mô hình tài trợ các nhiệm vụ nghiên cứu đơn lẻ, ngắn hạn sang đầu tư theo các định hướng nghiên cứu trung và dài hạn, ưu tiên cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ để bảo đảm tính liên tục, khả năng tích lũy tri thức và hình thành năng lực nghiên cứu dẫn dắt.

4. Khuyến khích các ý tưởng khoa học mới, có tính đột phá; chấp nhận rủi ro khoa học phù hợp với đặc thù nghiên cứu cơ bản; thực hiện quản lý theo kết quả và tác động khoa học, bảo đảm liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu và chuẩn mực học thuật quốc tế.

5. Chương trình PEBR là cấu phần trọng yếu của hệ sinh thái nghiên cứu chiến lược quốc gia, được triển khai đồng bộ với Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh xuất sắc, mạng lưới chuyên gia Việt Nam toàn cầu và các chương trình phát triển công nghệ chiến lược; tăng cường kết nối giữa đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lập môi trường nghiên cứu tiên tiến và kết nối tri thức quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nghiên cứu cơ bản xuất sắc trong lĩnh vực khoa học tự nhiên trở thành một cấu phần cốt lõi của hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nâng cao năng lực nghiên cứu đạt trình độ quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh mang tầm quốc tế và kiến tạo môi trường nghiên cứu tiên tiến; góp phần nâng cao vị thế khoa học của Việt Nam và tạo nền tảng tri thức cho phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược trong dài hạn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, có năng lực dẫn dắt các hướng nghiên cứu tiên tiến và tạo ra các kết quả khoa học có ảnh hưởng quốc tế.

b) Nâng cao chất lượng và mức độ ảnh hưởng khoa học của nghiên cứu cơ bản Việt Nam; từng bước nâng cao vị thế khoa học của Việt Nam trong một số lĩnh vực trọng điểm.

c) Phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao, đặc biệt là lực lượng nhà khoa học trẻ có tiềm năng dẫn dắt; tăng cường thu hút chuyên gia quốc tế và chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài tham gia triển khai Chương trình PEBR.

d) Hình thành một số hướng nghiên cứu có tiềm năng tạo đột phá, góp phần phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược trong các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam, bao gồm công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghệ sinh học, năng lượng mới, công nghệ bán dẫn và các lĩnh vực trọng điểm khác theo từng thời kỳ.

đ) Tạo lập môi trường nghiên cứu tiên tiến, đồng bộ, tăng cường hợp tác quốc tế và kết nối hiệu quả nguồn lực khoa học trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng lực của hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

3. Chỉ tiêu cần đạt

a) Về phát triển nhóm nghiên cứu mạnh: đến năm 2030 hình thành khoảng 30 nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, trong đó có ít nhất 03 nhóm đạt trình độ dẫn dắt trong khu vực; đến năm 2035 hình thành khoảng 50 nhóm nghiên cứu mạnh, trong đó có ít nhất 10 nhóm đạt trình độ dẫn dắt trong khu vực, có ảnh hưởng học thuật quốc tế rõ nét.

b) Về chất lượng công bố khoa học: đến năm 2030 nâng tỷ lệ công bố khoa học trên các tạp chí thuộc nhóm Q1 trong cơ sở dữ liệu Web of Science và các tạp chí thuộc hệ thống Nature Index lên khoảng 1,5 lần; đến năm 2035 nâng lên khoảng 2 lần so với mức trung bình giai đoạn 2021 - 2025 của từng lĩnh vực khoa học tương ứng.

c) Về mức độ ảnh hưởng khoa học: đến năm 2030 phấn đấu có ít nhất 01 hướng nghiên cứu tiệm cận nhóm 5% thế giới về mức độ ảnh hưởng khoa học theo các chỉ số trích dẫn chuẩn hóa theo lĩnh vực; đến năm 2035 phấn đấu có ít nhất 03 hướng nghiên cứu tiệm cận nhóm này.

d) Về hình thành hướng nghiên cứu mới và công nghệ lõi: đến năm 2030 hình thành ít nhất 10 hướng nghiên cứu mới, trong đó tối thiểu 03 hướng có tiềm năng phát triển thành nền tảng công nghệ lõi; đến năm 2035 hình thành thêm ít nhất 10 hướng nghiên cứu mới, trong đó tối thiểu 05 hướng có tiềm năng phát triển thành nền tảng công nghệ lõi. Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 10% và đến năm 2035 có ít nhất 20% số nhiệm vụ thuộc các hướng nghiên cứu này có kết quả đủ điều kiện đăng ký sáng chế quốc tế hoặc có khả năng chuyển tiếp sang nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược.

đ) Về phát triển nhân lực khoa học: đến năm 2030 hỗ trợ, bồi dưỡng, kết nối trong hệ sinh thái nghiên cứu của Chương trình PEBR ít nhất 500 tiến sĩ, nghiên cứu sinh, sau tiến sĩ và nhà khoa học trẻ, trong đó ít nhất 100 nhà khoa học trẻ có khả năng dẫn dắt nhóm nghiên cứu độc lập mang tầm quốc tế; đến năm 2035 hỗ trợ ít nhất 1.000 nhà khoa học, trong đó ít nhất 200 nhà khoa học trẻ có khả năng dẫn dắt nhóm nghiên cứu độc lập.

e) Về hợp tác quốc tế: đến năm 2030 triển khai ít nhất 100 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu quốc tế với sự tham gia thực chất của các đối tác nghiên cứu nước ngoài; đến năm 2035 triển khai ít nhất 300 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu quốc tế. Mỗi nhóm nghiên cứu mạnh có ít nhất 01 đối tác quốc tế chiến lược.

III. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Việc lựa chọn, tài trợ và đánh giá nhiệm vụ được thực hiện trên cơ sở cạnh tranh, công khai, minh bạch, theo tiêu chí xuất sắc khoa học; kết hợp đánh giá chuyên gia với các chỉ số đánh giá khoa học chuẩn hóa theo lĩnh vực được quốc tế thừa nhận (như FWCI, CNCI và các chỉ số tương đương), phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực nghiên cứu.

2. Khuyến khích đề xuất từ cộng đồng khoa học trên cơ sở tự do học thuật; đồng thời ưu tiên các lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Tập trung nguồn lực cho các nhóm nghiên cứu mạnh triển khai các hướng nghiên cứu có tiềm năng đột phá, bảo đảm đầu tư dài hạn.

4. Áp dụng phương thức quản lý dựa trên kết quả đầu ra và tác động; thiết lập cơ chế đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ để kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương thức triển khai; chấp nhận rủi ro khoa học phù hợp với đặc thù nghiên cứu cơ bản, phân biệt rõ với vi phạm hành chính, tài chính.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế có chiều sâu, thực chất và huy động hiệu quả nguồn lực trí tuệ toàn cầu; khuyến khích cơ chế đồng tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ nghiên cứu và các nguồn lực hợp pháp khác phù hợp với đặc thù của nghiên cứu cơ bản; bảo đảm liên thông giữa nghiên cứu cơ bản với phát triển công nghệ lõi, sản phẩm công nghệ chiến lược và các chương trình trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Triển khai tài trợ theo các định hướng nghiên cứu trung và dài hạn (05-10 năm), ưu tiên các chuỗi, cụm nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản có mục tiêu khoa học rõ ràng, gắn với phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược cụ thể; tập trung vào các vấn đề khoa học nền tảng có tiềm năng tạo đột phá, phù hợp với lợi thế và yêu cầu phát triển của Việt Nam.

2. Ưu tiên phát triển các hướng nghiên cứu có tiềm năng tạo đột phá, góp phần hình thành công nghệ lõi và công nghệ chiến lược trong các lĩnh vực như công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghệ sinh học, năng

lượng mới, công nghệ bán dẫn và các lĩnh vực trọng điểm khác theo từng thời kỳ.

3. Giao mục tiêu khoa học trung và dài hạn cho các nhóm nghiên cứu mạnh; từng bước triển khai cơ chế cấp kinh phí theo gói gắn với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và kết quả đầu ra; ưu tiên các cụm nhiệm vụ có khả năng hình thành nền tảng công nghệ lõi và chuyển tiếp sang phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược.

4. Xây dựng cơ chế phát hiện, hỗ trợ và phát triển đội ngũ nhà khoa học có năng lực dẫn dắt; tăng cường thu hút chuyên gia quốc tế và chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, đào tạo và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh.

5. Xây dựng cơ chế đánh giá độc lập thông qua hội đồng khoa học và công nghệ với sự tham gia của chuyên gia quốc tế, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, sử dụng các chỉ số đánh giá khoa học được chuẩn hóa theo lĩnh vực như FWCI, CNCI, tỷ lệ công bố thuộc nhóm 10% bài báo được trích dẫn cao nhất và các chỉ số quốc tế phù hợp khác; bảo đảm đánh giá theo chất lượng khoa học, tính mới, mức độ ảnh hưởng và tiềm năng phát triển dài hạn.

6. Tổ chức triển khai Chương trình PEER trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; thực hiện quản lý dữ liệu phục vụ theo dõi, đánh giá, điều chỉnh Chương trình và nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.

7. Bảo đảm thực hiện các nguyên tắc về liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình PEER thông qua nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh huy động các nguồn kinh phí hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước để tham gia thực hiện Chương trình PEER.

2. Kinh phí được xác định theo quy mô chương trình, nhóm nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu khoa học; mức hỗ trợ cụ thể được quyết định trên cơ sở đề xuất và kết quả đánh giá cạnh tranh.

3. Kinh phí được cấp theo giai đoạn, gắn với kết quả đánh giá trong kỳ và cuối kỳ; việc điều chỉnh, tiếp tục hoặc chấm dứt tài trợ được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá trong kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

4. Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhóm nghiên cứu có huy động nguồn lực đồng tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và các nguồn hợp pháp khác; khuyến khích đa dạng hóa nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình PEBR theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai; ban hành quy chế quản lý; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả, hiệu quả đầu ra và tác động của Chương trình PEBR;

b) Đề xuất kế hoạch kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm và trung hạn; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức công bố kế hoạch triển khai hằng năm; tiếp nhận, rà soát hồ sơ; thành lập các hội đồng khoa học và công nghệ để đánh giá, lựa chọn nhóm nghiên cứu, hướng nghiên cứu theo thẩm quyền;

d) Ký kết hợp đồng, cấp kinh phí và tổ chức quản lý, giám sát việc sử dụng kinh phí, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả;

đ) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện Chương trình PEBR theo định kỳ (hằng năm, giữa kỳ, cuối kỳ) và đột xuất; chủ trì, phối hợp đề xuất điều chỉnh mục tiêu, quy mô và cơ chế thực hiện khi cần thiết;

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (bao gồm Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên; Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ và các đơn vị có liên quan) có trách nhiệm:

a) Xây dựng định hướng ưu tiên cho giai đoạn 2026-2030 và hằng năm rà soát, bổ sung trong trường hợp cần thiết;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy chế kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chương trình PEBR;

c) Tổ chức kiểm tra việc triển khai Chương trình PEBR theo phân công;

d) Phối hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình PEBR hằng năm và toàn giai đoạn; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện.

3. Các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Quỹ trong việc triển khai Chương trình PEBR; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình PEBR vào các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ngành, lĩnh vực và địa phương.

4. Chương trình PEBR được tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2030 làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu, quy mô và cơ chế thực hiện cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Bộ GD&ĐT;
- ĐHQGHN, ĐHQG TP.HCM; các ĐH: BKHN, Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ;
- Các Viện Hàn lâm: KHCN; KHXH;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, NAFOSTED.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân